

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Ngọc Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái mở phiên tòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 154/2018/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2018 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Lê Thị Tuyết M**, sinh năm 1977

Nơi ĐKKHKT và Chỗ ở hiện nay: Tổ 02, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: **Anh Chu Minh L**, sinh năm 1978

Nơi ĐKKHKT: Tổ 2, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam H, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2018, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết M trình bày:

Chị M và anh Chu Minh L tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/12/2003, tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do chị M phát hiện anh L nghiện chất ma túy, từ đó không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành mà ngày càng trầm trọng hơn. Đến năm 2012, anh L bị bắt về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, bị kết án và cải tạo tại trại giam H. Từ đó, anh chị sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Chu Minh L.

Về nuôi con chung: Chị M và anh L có hai con chung, con thứ nhất là Chu Bảo N, sinh ngày 28/6/2005; con thứ hai là Chu Bảo L1, sinh ngày 24/7/2012. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị M và anh L tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Chu Minh L vắng mặt, nhưng tại bản tự khai có trong hồ sơ anh L trình bày:

Anh L xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn và những nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng như chị M đã trình bày nêu trên là đúng. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành, mà ngày càng trầm trọng hơn, nay chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh cũng nhất trí.

Về nuôi con chung: Anh L xác nhận có hai con chung với chị M như chị M đã trình bày trong đơn khởi kiện và bản tự khai là đúng. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh nhất trí để chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Chu Bảo N và Chu Bảo L1.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh L và chị M tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Tuyết M và giao hai cháu là Chu Bảo N và Chu Bảo L1 cho chị M nuôi dưỡng cho đến năm đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí chị Lê Thị Tuyết M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Chu Minh L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết M và anh Chu Minh L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/12/2003, tại Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh L nghiện chất ma túy. Mâu thuẫn giữa chị M và anh L đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Năm 2013, anh L bị bắt về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy, bị kết án và chấp hành án tại Trại giam H, từ đó

hai người sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị M xác định tình cảm vợ chồng đã hết và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Anh L cũng nhất trí.

Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị M và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Tuyết M là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Tuyết M và anh Chu Minh L có hai con chung, Hội đồng xét xử thấy, cả hai cháu Chu Bảo N và Chu Bảo L1 hiện tại đều do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu N có đơn nguyện vọng xin được ở với mẹ. Hiện tại, anh L đang chấp hành án tại Trại giam H nên không có điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Do đó cần giao cả hai cháu Chu Bảo N và Chu Bảo L1 cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với hoàn cảnh thực tế của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị M và anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về các vấn đề khác:

- Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Các Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 228; Khoản 4 Điều 147; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Tuyết M được ly hôn với anh Chu Minh L

2. Về nuôi con: Giao các cháu Chu Bảo N, sinh ngày 28/6/2005 và Chu Bảo L1, sinh ngày 24/7/2012 cho chị Lê Thị Tuyết M trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Chu Minh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số 0000478 ngày 23/04/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Xác nhận chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Lê Thị Tuyết M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Chu Minh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- VKS thành phố;
- Chi cục THADS tp;
- UBND phường Y, Tp Y, tỉnh Yên Bái;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thủy